

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN BÌNH  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2020

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Anh Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Nguyễn Văn Thống

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phú Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:**  
Không thuộc trường hợp phải tham gia.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/02/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị K, sinh năm 1978. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới, xúc phạm, đe dọa giết chị và các con dẫn đến vợ chồng

bất đồng quan điểm sống. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Sự việc này, chính quyền địa phương cũng đã đến can thiệp, khuyên bảo, can ngăn anh H nhưng anh H vẫn không thể thay đổi được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

*Về nuôi con chung:* Giữa chị và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Vinh Sơn, sinh ngày 19/4/2002; Nguyễn Văn N, sinh ngày 11/8/2005 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2008. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba cháu cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm lao động tự do tại địa phương, đảm bảo các điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi dưỡng các con.

*Về chia tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H nhưng anh H không đến tòa để giải quyết việc chị K xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh H, anh H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Vinh Sơn thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố; còn cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Đ có nguyện vọng được ở với mẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái năm 2001. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên đi uống rượu say về nhà chửi bới, xúc phạm, đe dọa giết chị và các con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng

hôn nhân giữa chị K và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt để hòa giải, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị K là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Vinh S, sinh ngày 19/4/2002; Nguyễn Văn N, sinh ngày 11/8/2005 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2008. Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả ba cháu đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Xét nguyện vọng của chị K về nuôi con chung thấy rằng: Chị K hiện đang làm lao động tự do tại địa phương, có thu nhập, chỗ ở ổn định để nuôi các con. Cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Đ đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn cháu Nguyễn Vinh S có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H không có mặt, không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Nên để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của các con cần giao cả ba con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Vinh S, sinh ngày 19/4/2002; Nguyễn Văn N, sinh ngày 11/8/2005 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2008 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002719 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị K đã nộp đủ).

Chị Trần Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Anh Đào**